

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20-8-2018

V/v: “*Tranh chấp yêu cầu ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nhâm;
2. Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 98/2018/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M - sinh năm 1973 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H - sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V1, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 09/4/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Tôi và ông H có tìm hiểu nhau trước được khoảng 01 tháng nên chúng tôi tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1992, không có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện và không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Chúng tôi sống hạnh phúc được 01 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chồng tôi có người phụ nữ khác bên ngoài nên vợ chồng thường xuyên cãi vã và chúng tôi đã ly thân cách nay 8 tháng, tôi xét thấy sống với ông H không hạnh phúc nên làm đơn xin ly hôn với ông H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tr - sinh năm 1993 và Nguyễn Văn T - sinh ngày 26/6/1995.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có tạo lập được tài sản chung và cũng không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyễn vọng:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Văn H;

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tr - sinh năm 1993 và Nguyễn Văn T - sinh ngày 26/6/1995, hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung, nợ chung: Như trình bày trên, không yêu cầu thêm gì.

Đối với ông Nguyễn Văn H trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn H nhiều lần nhưng ông H vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của BLTTDS năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà M xác lập quan hệ hôn nhân với ông Nguyễn Văn H vào năm 1992 nhưng vào thời điểm này ông H chưa đủ tuổi kết hôn nên đã vi phạm theo quy định tại Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Do đó, ông bà phải yêu cầu hủy hôn nhân trái pháp luật nhưng ông bà không thực hiện, đến khi ông H đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 thì ông bà không đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Xét về thời điểm ông H đủ điều kiện kết hôn vào năm 1994 và xin ly hôn của ông bà đã đáp ứng đủ điều kiện để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quá trình chung sống đến nay ông bà không thực hiện việc đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 dẫn đến hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp. Tại thời điểm xét xử, Luật Hôn nhân và gia đình đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 có hiệu lực nên theo Điều 131 Luật sửa đổi, bổ sung thì HĐXX căn cứ vào Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ của bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

Đối với ông Nguyễn Văn H, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án trực tiếp tổng đạt các văn bản đúng theo quy định của pháp luật và ông H đã ký nhận các văn bản mà Tòa án tổng đạt để ông về Tòa án làm các văn bản gửi cho Tòa án nhưng ông H không về để làm văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của ông. Từ đó, cho thấy ông H đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của bà M. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt ông theo quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Bà M xác định ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tr - sinh năm 1993 và Nguyễn Văn T - sinh ngày 26/6/1995, hiện nay các con đã trưởng thành và có gia đình nên bà không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác định vợ chồng không có tạo lập được tài sản chung và cũng không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị M phải nộp do bà có yêu cầu xin ly hôn nhưng bà M được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước đây là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001900 ngày 20/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 53 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

- Về con chung: HĐXX miễn xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị M phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001900 ngày 20/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị M có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/8/2018). Ông Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA huyện Gò Quao;
- UBND xã Vĩnh Tuy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Trần Hoài Thanh